

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/DS-ST
Ngày 16 tháng 4 năm 2018
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thông

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bành Trọng Bình
2. Ông Hồ Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 80/2017/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2017 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2017/QĐXX-ST ngày 23 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1985

Trú tại: Thôn, X xã Y, huyện Z, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bị đơn: Chị Trương Thị L, sinh năm 1986, có mặt

Trú tại: Thôn M, thị trấn T, huyện Z, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Người làm chứng: Chị Lương Thị Mỹ K, vắng mặt

Trú tại: Thôn M, thị trấn T, huyện Z, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 9 năm 2017 của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Vào ngày 09/12/2015 chị có cho chị Trương Thị L trú tại thôn M, thị trấn T, huyện Z, tỉnh Đắk Lắk vay số tiền 35.000.000đ, đến chiều cùng ngày chị có cho chị L vay thêm 5.000.000đ tổng cộng là 40.000.000đ. Khi vay hai bên có viết giấy vay bằng tay, chị L có ký vào người vay tiền, vào năm 2016 chị làm chủ hội và có cho chị L chơi chung với chị K một chân hội mỗi tháng chị L đóng 2.500.000đ đến tháng 6/2016 chị L hốt hội và đã trả cho chị số tiền 15.000.000đ vào số tiền vay 40.000.000đ tuy nhiên khi trả hai bên không làm giấy tờ gì. Sau khi hốt hội xong thì chị Lựu không đóng tiền tháng cho chị tổng cộng 5 tháng x 2.500.000đ/tháng = 12.500.000đ vì vậy xem như chị L chưa trả cho chị 15.000.000đ. Đến đầu năm 2017 chị yêu cầu chị L trả cho chị số tiền còn nợ là 40.000.000đ nhưng chị L không trả vì vậy chị làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Z

giải quyết buộc chị L phải trả cho chị số tiền vay còn nợ là 40.000.000đ chị không yêu cầu tính lãi suất.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn Trương Thị L trình bày: Vào ngày 09 tháng 12 năm 2015 chị có vay của chị Nguyễn Thị Thu H số tiền 40.000.000đ khi vay có làm giấy vay bằng tay và chị có ký nhận nợ, tuy nhiên vào năm 2016 chị và chị K có tham gia chơi hụi do chị H làm chủ mỗi tháng chị L đóng 2.500.000đ, đến tháng 6 năm 2016 chị hốt hụi và đã trả cho chị H 15.000.000đ vào số tiền vay 40.000.000đ và hiện nay chị còn nợ lại 25.000.000đ. Hiện nay chị H khởi kiện yêu cầu chị trả số tiền yêu cầu chị trả số tiền còn nợ là 40.000.000đ chị không đồng ý, chị chỉ đồng ý trả cho chị H số tiền vay còn nợ lại là 25.000.000đ.

Phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo tình tự tố tụng, việc chấp hành pháp luật của các đương sự đúng pháp luật tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

1. Về tố tụng: Yêu cầu của chị H buộc chị L phải trả số tiền vay còn nợ lại đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, chị L ký nhận nợ với chị H đến hạn chị H đã nhiều lần yêu cầu chị L thanh toán nhưng chị L không thanh toán nên chị H khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện Ea Súp thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

2. Về nội dung: Vào ngày 09 tháng 12 năm 2015 chị Nguyễn Thị Thu H có cho chị Trương Thị L vay số tiền hai đợt tổng cộng là 40.000.000đ, khi vay hai bên có lập hợp đồng và bị đơn cũng thừa nhận có vay số tiền này. Đây là hợp đồng vay tài sản không xác định thời hạn, thời hạn và lãi do hai bên tự thoả thuận, đến năm 2016 chị L có trả cho chị H được 15.000.000đ còn lại 25.000.000đ, năm 2017 chị H thông báo yêu cầu chị L trả tiền thì chị L có hẹn đến tháng 02/2017 trả tuy nhiên sau đó chị L vẫn không trả tiền, sau đó chị H đã nhiều lần yêu cầu chị L trả tiền nhưng chị L vẫn không trả là vi phạm nghĩa vụ trả tiền được quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

Về số nợ gốc: Bị đơn cho rằng vào năm 2016 đã trả cho nguyên đơn 15.000.000đ tuy không lập giấy tờ tuy nhiên được nguyên đơn thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên cần được chấp nhận.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn cho rằng năm 2016 bị đơn có chơi chung với chị K một chân phường do nguyên đơn làm cái mỗi tháng đóng 2.500.000đ, sau khi bị đơn bốc phường thì đã trả cho nguyên đơn 15.000.000đ để khấu trừ số nợ (Hai bên không làm giấy tờ gì) nhưng sau đó 5 tháng liên tục bị đơn không đóng tiền góp phường hàng tháng và lãi suất nên xem như bị đơn chưa trả số tiền 15.000.000đ cho nguyên đơn vì vậy hiện nay nguyên đơn vẫn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 40.000.000đ là không phù hợp bởi lẽ vào năm 2016 chị L đã trả cho chị H 15.000.000đ

để khấu trừ vào số nợ 40.000.000đ tuy không làm giấy tờ gì nhưng cả hai bên đều thừa nhận nên, việc chị Hường cho rằng chị L không đóng tiền phưởng 5 tháng đây là quan hệ tranh chấp về chơi “họ”, “hụi”, “biều”, “phường” gọi chung là “họ” vì thế chị H có quyền khởi kiện chị L bằng một vụ án khác khi có yêu cầu, trong vụ án này chị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Vì vậy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là 25.000.000đ.

Bác yêu cầu còn lại của nguyên đơn vì đây là yêu cầu chưa phù hợp.

Về lãi suất không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét.

3. Về án phí: Buộc chị Trương Thị L phải chịu án phí dân sự là 1.250.000^d

Do một phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận (15.000.00đ) nên chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự là 750.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 429 khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H.

Buộc chị Trương Thị L phải trả cho chị Nguyễn Thị Thu H số tiền vay còn nợ 25.000.000^d (*Hai mươi lăm triệu đồng*), không tính lãi suất.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính tiền lãi trên số tiền chị L chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Bác một phần yêu nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H yêu cầu bị đơn chị Trương Thị L phải trả là 15.000.000đ.

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. khoản 1 khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 Ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc chị Trương Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 1.250.000^d (*Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*).

Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0004252 ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Z, hoàn trả cho chị H số tiền 250.000đ (*Hai trăm năm mươi ngàn đồng*).

Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Z;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thông